

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VTRAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VTRAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VTRAN TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VTRAN TRADING SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301127393

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 156/TK, Ấp Tân Khai, Xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                         | 4322                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                | 4329                                                         |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                        | 4620                                                         |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                | 4631                                                         |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                            | 4632                                                         |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm).                                                                                                                                | 4649                                                         |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                               | 4659(Chính)                                                  |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh dược phẩm, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn).                                                             | 4661                                                         |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>Bán buôn hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh                        | 4669                                                         |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                     | 8299                                                         |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4721                                                         |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4722                                                         |
| 13. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4730                                                         |
| 14. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                  | 4799                                                         |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                    | 3312                                                         |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                        | 3313                                                         |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                        | 3314                                                         |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                        | 3319                                                         |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                       | 3320                                                         |
| 20. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                              | 3830                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                         | 4321                                                         |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4759                                                         |
| 23. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN QUỐC VƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/10/1993 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083093004583

Ngày cấp: 09/05/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 156/TK, Ấp Tân Khai, Xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 156/TK, Ấp Tân Khai, Xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUỐC VƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083093004583

Ngày cấp: 09/05/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 156/TK, Ấp Tân Khai, Xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 156/TK, Ấp Tân Khai, Xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre